

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2


Số: 64 /2024/CV-NEDI2
V/v: CBTT Báo cáo thường niên năm
2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 16 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
 2. Mã chứng khoán: ND2
 3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn San Bang, Xã Bản Vược, Huyện Bát Xát, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
 4. Điện thoại: 0214 3868 928 Fax: 0214 3868 928
 5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đỗ Vương Cường Tổng Giám đốc Công ty Người đại diện theo Pháp Luật.
 6. Nội dung công bố thông tin:
Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2.
 7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: 
- Như kính gửi;
- Lưu TCHC

Người đại diện theo Pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Vương Cường

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21 /2024/BC-NEDI2

Lào Cai, ngày 16 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
- Tên tiếng anh: NORTHERN ELECTRICITY DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY NO2- NEDI 2.,JSC
- Tên viết tắt: NEDI2
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300 21 55 27 – do Sở KHĐT tỉnh Lào cai cấp thay đổi lần 12 ngày: 30/05/2023.
- Vốn điều lệ: 500 tỷ VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Thôn San Bang, Xã Bản Vược, Huyện Bát Xát, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- Số điện thoại: 02143 868 928
- Số fax: 02143 868 928
- Website: nedi2.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): ND2
- Quá trình hình thành và phát triển:

Được thành lập ngày 06 tháng 05 năm 2004, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI2) là công ty thành viên đầu tiên của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư phát triển năng lượng. Kế thừa nhiều kinh nghiệm quý báu trong lĩnh vực đầu tư của Vinaconex, một Tổng Công ty đa doanh hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam, NEDI2 tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu vào lĩnh vực đầu tư thủy điện.

Năm 2010 Công ty hoàn tất việc đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ND2.

Năm 2014: Công ty khánh thành Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát.

Năm 2020: Hoàn thành - phát điện Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát mở rộng.

Công ty đã và đang sáng tạo không ngừng để vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội nhằm tạo ra nền tảng phát triển doanh nghiệp một cách nhanh chóng và bền vững.

Trải qua những năm tháng trưởng thành và phát triển, từng bước tạo dựng uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường, luôn coi trọng yếu tố con người, NEDI2 hiện nay có đội ngũ cán bộ, kỹ sư với kiến thức chuyên môn sâu và giàu kinh nghiệm, được các đối tác trong và ngoài nước tôn trọng, đánh giá cao và tin cậy thiết lập quan hệ hợp tác lâu dài.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

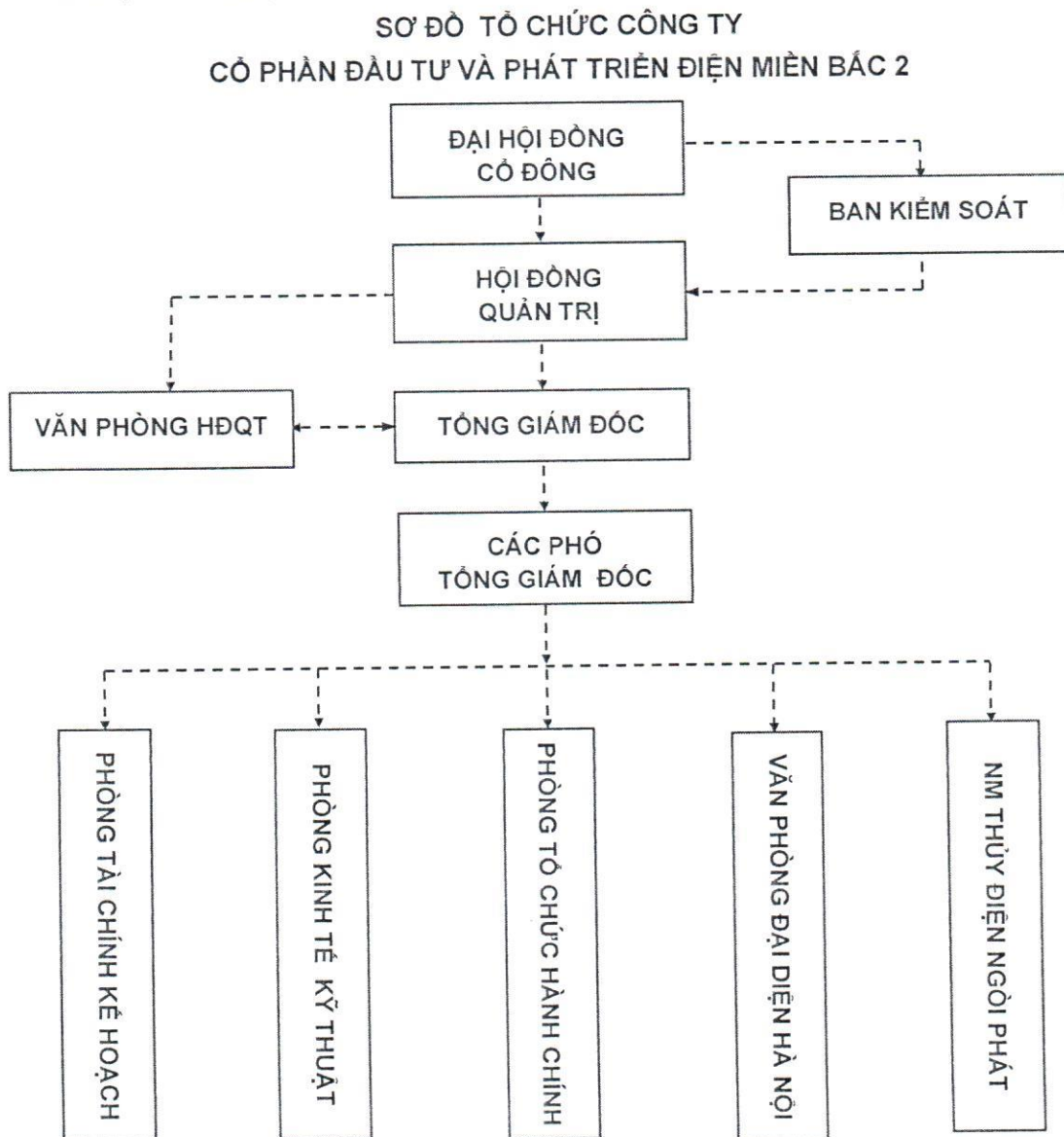
- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ghi chú
1	Sản xuất điện	3511	Ngành nghề KD chính
2	Xây dựng các công trình điện	4221	

- Địa bàn hoạt động hiện nay: Tại nhà máy thủy điện Ngòi Phát thuộc xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị Công ty



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

a. Đại hội đồng cổ đông

TT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ vốn thực góp (%)	Ghi chú
I	Các cổ đông pháp nhân	43.044.461	86,1%	
1	Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Việt Nam	25.546.575	51,1%	
2	Toyota Tsusho Corporation	17.497.886	35%	
II	Thẻ nhân và pháp nhân khác	6.949.499	13,9%	
	Tổng cộng	49.993.960	100,00%	

b. Hội đồng quản trị

T T	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			CM	LL CT	NN	
1	Dương Văn Mậu	1978		Cầu Giấy, Hà Nội	1	KS XD Dân dụng & CN – Ths QTKD			Chủ tịch
2	Vũ Mạnh Hùng	1977		Đống Đa, Hà Nội	1	Th.s Kinh tế về TC ngân hàng, CN Luật			Ủy viên
3	Vũ Đức Thịnh	1979		Thanh Xuân Bắc, Hà Nội	1	CN Kinh tế, Th.s QTKD			Ủy viên
4	Katsuhito Miyajima	1967		Saitama, Nhật Bản		CN Kinh tế Quốc tế			Ủy viên
5	Yusuke Takahashi	1988		Aichi, Nhật Bản		CN Kinh tế			Ủy viên

c. Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			CM	LL CT	NN	
1	Vũ Văn Mạnh	1972		Thanh Xuân, Hà Nội		KS Kinh tế - Ths QTKD, cử nhân ngành kế toán			Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		1979	Thanh Xuân, Hà Nội		CN KT- Kế toán, Ths Kinh tế			Thành viên
3	Lê Thanh Hải	1979		Hai Bà Trưng, Hà Nội		Kỹ sư Điện – Tự động hóa, Ths Quản trị doanh nghiệp			Thành viên – Bổ nhiệm ngày 10/04/2023
4	Kenichi Suzuki	1968		Tokyo, Nhật Bản		CN Tài chính Quốc tế			Thành viên - Miễn nhiệm ngày 10/04/2023

d. Ban Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc Công ty :

Họ và tên : **Đỗ Vương Cường**

Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 17 tháng 01 năm 1980

CMTND/CCCD : Số: 001080016869 Ngày cấp: 17/12/2022 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại liên lạc : 0904717117

- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ QTKD
- Phó Tổng Giám đốc :
- Họ và tên : Ngô Mạnh Cường
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 07/04/1975
- CMTND/CCCD : Số: 019075008037 Ngày cấp: 29/07/2022
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tòa S2, Vinhomes SkyLake Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, HN
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Đỗ Vương Cường ngày 29/05/2023
- Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Ứng Hồng Vận ngày 29/05/2023.

4. Định hướng phát triển:

- Vận hành sản xuất an toàn, tin cậy, bền vững; tối ưu hóa tất cả các khâu sản xuất đảm bảo hiệu quả, nâng cao lợi nhuận cho cổ đông, nâng cao giá trị và thương hiệu doanh nghiệp.
- Nâng cao hiệu quả quản lý, nghiên cứu áp dụng các công nghệ, kỹ thuật mới để hỗ trợ công tác quản trị doanh nghiệp.
- Thực hiện các công việc theo yêu cầu (nếu có) của Vinaconex/TTC để hỗ trợ chiến lược đầu tư phát triển năng lượng tại Việt Nam.

5. Các rủi ro: Do thiên tai, hỏa hoạn ..v.v không lường trước được (bất khả kháng xảy ra).

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Điều kiện thời tiết, thủy văn năm 2023 kém hơn so với các năm trước rất nhiều do bị ảnh hưởng bởi hiện tượng Elnino: Mùa mưa bắt đầu muộn và kết thúc sớm hơn so với trung bình nhiều năm.

Chỉ tiêu	Sản lượng KH 2023 (kwh)	Sản lượng cùng kỳ 2022 (kwh)	Sản lượng thực hiện 2023 (kwh)	Tỷ lệ % TH/KH 2023
Sản lượng thương phẩm	426.787.045	487.311.042	356.478.829	83,5%

1.1. Tình hình vận hành sản xuất:

- Nhà máy đã đáp ứng vận hành ổn định cả 04 tổ máy, không có sự cố chủ quan, đảm bảo An toàn, Tin cậy, Liên tục đạt công suất thiết kế khi có đủ nước.
- Nhà máy, Tổ Thị trường điện và PX Vận hành dự báo và tính toán nước về để duy trì vận hành ở cột áp cao, giảm thiểu tối đa nước tràn hồ đồng thời thiết lập mối quan hệ, phối hợp tốt với các cấp điều độ EVN nên khi nước về được vận hành liên tục, không phải xuống máy và vận hành ở mức giá cao của thị trường, giảm chi phí điện tự dùng, nâng cao tuổi thọ thiết bị...
- Về thị trường điện: Năm 2023 mặc dù tỷ lệ tham gia TTD giảm xuống còn 5% và sản lượng điện không cao như kỳ vọng nhưng lợi nhuận từ thị trường điện đạt được 6,012 tỷ đồng.

1.2. Công tác bảo trì sửa chữa, khắc phục tồn tại và các công tác khác:

- Hoàn thành công tác bảo trì bảo dưỡng sửa chữa thiết bị đảm bảo đúng quy trình và yêu cầu kỹ thuật, xử lý kịp thời các sự cố và khắc phục khiếm khuyết của thiết bị: Thay mới xử lý khiếm khuyết TU 175 trạm 220kV Lào Cai đảm bảo thiết bị vận hành an toàn ổn định, xử lý khiếm khuyết MC11KV, xử lý tình trạng nhiễm nước các ổ TGB tổ máy... đảm bảo thiết bị vận hành ổn định trong mùa phát điện cao điểm.
- Hoàn thành công tác Đại tu tổ máy H1 đảm bảo chất lượng, tiến độ và bàn giao kịp thời cho đơn vị nâng cấp DCS/SCADA.
- Hoàn thành tiêu tu Tổ máy 2 theo kế hoạch đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và vận hành ổn định tin cậy.
- Hoàn thành nâng cấp hệ thống DCS tổ máy H1 làm cơ sở để hoàn thành nâng cấp DCS/SCADA các tổ máy H2, H3 được nhanh hơn trong đầu năm 2024.
- Chủ động và quản lý tốt công tác dự phòng vật tư, thiết bị: lưu kho và bảo quản tốt, tối ưu vật tư tồn kho, mua sắm vật tư kịp thời, thực hiện công tác đánh giá kiểm tra tình trạng thiết bị định kỳ đảm bảo chất lượng sẵn sàng thay thế để vận hành liên tục.
- Hoàn thành thay mới 03 tủ MBOX; cải tạo hệ thống thông gió phòng 11KV để giảm nhiệt độ khi 03 tổ máy vận hành tối đa công suất; thay thế ống thủy lực mềm của hệ thống nước làm mát LGB, gia công và lắp đặt hệ thống ống thép không rỉ OPU; Gia công hoàn thành và test áp lực 04 bộ két không khí máy phát đảm bảo thiết bị dự phòng thay thế cho các kỳ sửa chữa lớn tiếp theo.
- Thực hiện triển khai chương trình tối ưu hóa điều tiết dòng chảy (HNT) tận dụng tối đa lượng nước về hồ, đón lũ kịp thời đồng thời hỗ trợ vận hành thủy điện Ngòi Phát với phương thức vận hành tối ưu cột nước và giá điện (duy trì vận hành cột nước cao, giá thị trường cao) nhằm nâng cao sản lượng và doanh thu.
- Tính toán lại thời gian khởi động các tổ máy để xây dựng quy trình phù hợp, tối ưu thời gian lên lưới để giảm Qdu, góp phần tăng sản lượng điện thương phẩm cho Nhà máy.

1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng (Triệu Kwh)	426,787	356,479	83,5%
2	Doanh thu	389.750	325.481	83,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	152.482	107.055	70,2%
4	Cổ tức	30%	20%	66,7%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên (1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh	Sở hữu CP tại công ty
		Nam	Nữ			CM	LLC T	N N		
1	Đỗ Vương Cường	1980		Hương Ngải - Thạch Thất - HN	1	Cử nhân Kinh tế, Th.s QTKD	Sơ cấp		TGD	0
2	Ngô Mạnh Cường	1975		Thanh Hóa	1	KS Cơ khí	Sơ cấp		PTGD	1.000
3	Ứng Hồng Vận	1962		Duy Tiên, Hà Nam	1	KS Cơ khí	Sơ cấp		TGD	31.400
3	Đình Tuấn Anh	1977		Ninh Bình	1	CN Kế toán	Sơ cấp		KTT	346.300

- Những thay đổi trong Ban Điều hành năm 2023:

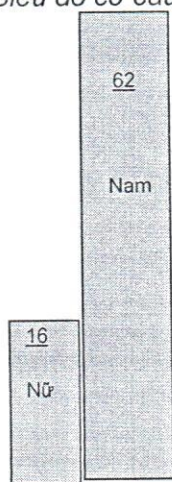
- + Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật đối với ông Ứng Hồng Vận kể từ ngày 29/05/2023;
- + Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật đối với ông Đỗ Vương Cường kể từ ngày 29/05/2023.

- Số lượng CBNV trong Công ty và cơ cấu lao động:

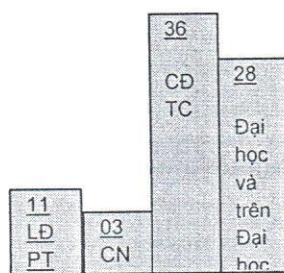
Giới	Số lao động tại thời điểm 31/12/2023	Loại hợp đồng lao động	Số LĐ
Nam	62	Không thời hạn	54
Nữ	16	Có thời hạn	24
Tổng	78	Theo mùa vụ	00

Trình độ lao động	Số lao động tại thời điểm báo cáo
Đại học và trên đại học	28
Cao đẳng, Trung cấp	36
CNKT	03
Lao động phổ thông	11

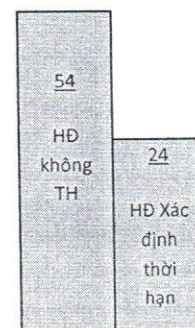
(Biểu đồ cơ cấu lao động theo giới, theo trình độ và theo loại hợp đồng lao động)



Biểu đồ LĐ theo giới



Biểu đồ LĐ theo trình độ



Biểu đồ loại HĐLĐ

- Nhận xét về cơ cấu lao động theo từng phân loại:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 là doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp, là đơn vị Chủ đầu tư có nhiệm vụ quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Ngòi Phát và Nhà máy thủy điện Ngòi Phát mở rộng đảm bảo an toàn, ổn định, hiệu quả và tin cậy.

- Nêu nguyên nhân (đặc điểm của ngành) dẫn tới cơ cấu trên:

Nhiệm vụ chính của Công ty là đảm bảo vận hành Nhà máy ổn định, an toàn an ninh, tin cậy. Do đặc thù của Công ty là vận hành Nhà máy thủy điện nên cơ cấu lao động trên là hợp lý.

- Cơ cấu trên có ảnh hưởng gì tới chính sách với người lao động:

Cơ cấu gọn và tinh của bộ máy quản lý điều hành tạo điều kiện cho CBNV phát huy được vai trò cá nhân trong công việc được giao, mặt khác Lãnh đạo Công ty sẽ có điều kiện quan tâm chu đáo các chế độ chính sách đối với người lao động, tạo điều kiện người lao động yên tâm công tác và cống hiến phục vụ lâu dài cho Công ty.

- Chính sách đối với người lao động:

❖ Chính sách lương, thưởng:

- + Giới thiệu về hệ thống thang bảng lương của Công ty: Công ty thành lập theo Luật Doanh nghiệp và mọi chế độ chính sách của người lao động trong công ty được áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ luật lao động. Hệ thống thang bảng lương, chính sách tiền lương áp dụng theo quy định tại Nghị định 49/2013/NĐ-CP và TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Chính phủ và thang bảng lương do Công ty xây dựng áp dụng kể từ 01/01/2017.
- + Phụ cấp của Ủy viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách được Công ty trình Đại hội đồng cổ đông hàng năm phê duyệt ở mức phù hợp và đảm bảo.
- + Bảng lương CBNV toàn Công ty xây dựng theo hướng dẫn tại Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Chính phủ.
- + Việc thực hiện chế độ đối với người lao động (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...): Công ty thực hiện 100% CBNV làm việc tại Công ty đều tham gia trích nộp BHXH, BHYT và lập sổ BHXH, cấp thẻ BHYT cho CBNV theo quy định của Luật BHXH, BHYT.
- + Các chính sách khuyến khích vật chất: Ngoài chế độ tiền lương hàng tháng Công ty chi thêm tiền thưởng nhân dịp ngày lễ tết, tiền ăn trưa cho CBNV, trang bị quần áo đồng phục và tổ chức thăm quan, nghỉ mát, tặng quà sinh nhật cho CBNV Công ty.

❖ Chính sách đào tạo:

- + Công tác đào tạo thường xuyên và đạo tạo bổ sung: Hàng năm Công ty lập kế hoạch đào tạo các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBNV Công ty theo các lĩnh vực Công ty có nhu cầu. Kinh phí đào tạo, tiền lương đi học Công ty chi trả 100%.
- + Các chính sách khuyến khích người lao động tự đào tạo: Các đối tượng CBNV có nguyện vọng tự học nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn được Công ty cân đối bố trí, tạo điều kiện về thời gian và xem xét hỗ trợ kinh phí đào tạo/khóa học.

❖ Chính sách trợ cấp:

- + Lãnh đạo Công ty phối hợp với BCH Công đoàn Công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng CBNV có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn, gặp thiên tai, tai nạn rủi ro...

❖ Mức lương bình quân:

- + Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2023 là 16,5 triệu đồng/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không có Dự án mới

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.689.780	1.555.505	(134.275)
Doanh thu thuần	462.140	325.481	(136.659)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	234.579	111.690	(122.889)
Lợi nhuận khác	(17)	228	245
Lợi nhuận trước thuế	234.562	111.918	(122.644)
Lợi nhuận sau thuế	224.590	107.055	(117.535)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	20%	(10%)

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2022	2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,87	0,55	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	0,73	0,43	
/Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng nguồn vốn	0,54	0,50	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,18	1,0	Lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			Sản xuất điện không có hàng tồn kho
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,27	0,21	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,48	0,33	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,29	0,14	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,13	0,07	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,50	0,34	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

Tổng số cổ phiếu của Công ty	: 49.993.960 cổ phiếu
- Số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành	: 49.993.960 cổ phiếu
Trong đó:	
+ Đã lưu ký	: 30.252.822 cổ phiếu
+ Chưa lưu ký	: 19.741.138 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

TT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ vốn thực góp (%)	Ghi chú
I	Các cổ đông pháp nhân	43.044.461	86,1%	
1	Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Việt Nam	25.546.575	51,1%	
2	Toyota Tsusho Corporation	17.497.886	35%	
II	Thẻ nhân và pháp nhân khác	6.949.499	13,9%	
	Tổng cộng	49.993.960	100%	

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Tổng số dầu thủy lực bôi trơn làm mát khoảng: 2.200 lít/ năm.

b. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng phục vụ sản xuất Nhà máy:

- Phần tiêu thụ của các phụ tải bao gồm hệ thống tự dùng Nhà máy, cung cấp về khu vực NĐH và Nhà ở CBCNV trong quá trình ngừng máy (sản lượng nhận từ lưới 110kV thông qua đo đếm 175) là: 435.100 Kwh.
- Năng lượng phục vụ khối văn phòng và phục vụ sinh hoạt thông kê qua điểm đo đếm tự dùng tủ MDB1: 54.230 Kwh.

Ghi chú: Năng lượng phục vụ sản xuất trực tiếp và gián tiếp năm 2023 được xác định bằng chỉ số thực tế sử dụng.

6.4. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sử dụng nguồn nước của lưu vực suối Ngòi Phát, suối Ngòi Phát nằm phía hữu ngạn Sông Hồng thuộc tỉnh Lào Cai, bắt nguồn từ vùng núi cao nằm giữa hai huyện Phong Thổ, Lai Châu và huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, từ trên độ cao trên 3.000m chảy theo hướng chính Tây Nam - Đông Bắc đổ ra Sông Hồng ở cao độ khoảng 100m giữa hai xã Cốc Mỳ và Bản Vược, huyện Bát Xát, cách TP Lào Cai 25km về phía Tây Bắc.

- Phía thượng lưu Nhà máy:
 - + Thủy điện Mường Hum (nhánh chính).
 - + Suối Bản Xèo (nhánh phụ).
- Lượng nước sử dụng phát điện năm 2023 là: 471.819 triệu m³.

b. Tỷ lệ phần trăm và lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không tái sử dụng được.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lao động của Công ty: 78 người.
- Mức lương trung bình đối với người lao động: khoảng 16,5 triệu đồng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động.
- Khám sức khỏe định kỳ theo quy định.
- Các chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các đối tượng nằm trong nhóm lao động có công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm.
- Được đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BHTN...
- Tiền lương được trả đầy đủ trước ngày 10 hàng tháng.
- Thăm hỏi người lao động trong lúc ốm đau.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Thực hiện đúng quy định của Nhà nước về việc sử dụng người lao động

TT	Nội dung đào tạo	Tính Chất	Số lượt
1	AT – VSLĐ (EVN).	Định kỳ	Hàng năm
2	PCCN (PCCC tỉnh Lào Cai).	Định kỳ	Hàng năm
3	Bồi huấn nghiệp vụ thị trường điện		Hàng năm
4	Các lớp ngắn hạn (phục vụ quản lý)	Theo nhu cầu doanh nghiệp	

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Người lao động được đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ công tác sản xuất của Nhà máy theo đúng quy định của Nhà nước.

Đào tạo, sát hạch các chức danh nâng cao trình độ chuyên môn	Năm 2023		
	LT	TT	ĐL
Trưởng ca	06	06	0
Trưởng kíp	04	04	
Trực gian máy	12	12	
Trực CNN	5	5	
SC ĐZ 110 kV	2	2	
Điện tự động hóa	4	4	01
Cơ khí thủy lực	5	5	02
PCLB/PCCN/ATVSLĐ	60	60	

(Ghi chú: LT – Lý thuyết; TT – Thực tế; ĐL – Độc lập)

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

- Tạo công ăn việc làm cho CB-CNV địa phương đóng trên địa bàn;
- Trang bị, lắp đặt thiết bị cảnh báo lũ theo quy định của Bộ Công thương;
- Hỗ trợ ứng chương trình Tết vì người nghèo do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai phát động;
- Thực hiện hỗ trợ đầu tư công trình điện cho các thôn bản chưa có điện trên địa bàn tỉnh Lào Cai;
- Duy tu bảo dưỡng các tuyến đường giao thông: San Bang- Mường Vi; VH1; VH2 thuộc xã Bản Vược; đường Bản Xèo – Tuyến đập thuộc xã Bản Xèo;
- Hỗ trợ ứng các phong trào, lời kêu gọi của địa phương trên địa bàn nhằm ủng hộ giúp đỡ các gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, thiên tai... ổn định cuộc sống;
- Hỗ trợ gây quỹ hoạt động cộng đồng địa phương.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Đánh giá điều kiện thủy văn, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả vận hành sản xuất:

- Hoạt động sản xuất và vận hành của nhà máy thủy điện Ngòi Phát

Điều kiện thủy văn và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả vận hành sản xuất: Điều kiện thủy văn và thời tiết năm 2023 kém hơn so với các năm trước rất nhiều do bị ảnh hưởng bởi hiện tượng El Niño: Mùa mưa bắt đầu muộn và kết thúc sớm hơn so với trung bình nhiều năm. Nhà máy đã thường xuyên theo dõi lượng mưa hàng ngày trên lưu vực để chủ động trong công tác theo dõi nguồn nước và tối ưu hóa sử dụng nước phục vụ sản xuất nhằm tăng doanh thu. Tập trung duy trì vận hành ổn định chạy máy liên tục, trực sản xuất và sửa chữa, xử lý sự cố 24/24 sẵn sàng ứng phó với các tình huống sự cố, sửa chữa bảo trì. Nhà máy đã đạt sản lượng năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Sản lượng KH 2023 (kwh)	Sản lượng cùng kỳ 2022 (kwh)	Sản lượng thực hiện 2023 (kwh)	Tỷ lệ % TH/KH 2023
Sản lượng thương phẩm	426.787.045	487.311.042	356.478.829	83,5%

1.2 Tình hình vận hành sản xuất:

- Nhà máy đã đáp ứng nhiệm vụ sản xuất, cả 04 tổ máy vận hành ổn định, không có sự cố chủ quan và vận hành An toàn, Tin cậy, Liên tục đạt công suất thiết kế khi có đủ nước.
- Công tác làm chủ công nghệ và vận hành tối ưu: Tính toán và dự báo lưu lượng nước về hồ để phát điện ở cột áp cao đồng thời giảm thiểu tối đa thời gian nước tràn hồ. Công tác quan hệ, phối hợp nhịp nhàng với các cấp điều độ để vận hành liên tục, tối ưu giá thị trường, giảm điện tự dùng, nâng cao tuổi thọ thiết bị...
- Về thị trường điện: Theo QĐ số 238/QĐ-ĐTĐL của Bộ Công thương ký ngày 30/12/2022 quy định tỷ lệ tham gia Thị trường điện trong năm 2023 cho các dự án thủy điện có hồ điều tiết như Ngòi Phát (dưới 2 ngày) là 10%, tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên EVN đã đề nghị và thỏa thuận xuống mức 5% cho toàn bộ các tháng của năm 2023.

1.3. Công tác bảo trì sửa chữa, khắc phục tồn tại và các công tác khác:

- Hoàn thành công tác bảo trì bảo dưỡng sửa chữa thiết bị đảm bảo đúng quy trình và yêu cầu kỹ thuật, xử lý kịp thời các sự cố và khắc phục khiếm khuyết của thiết bị; Xử lý khiếm khuyết MC11KV, xử lý tình trạng nhiễm nước các ổ TGB tổ máy... đảm bảo thiết bị vận hành ổn định trong mùa phát điện cao điểm.
- Hoàn thành công tác Đại tu tổ máy H1 đảm bảo chất lượng, tiến độ và bàn giao kịp thời cho đơn vị nâng cấp DCS/SCADA.
- Hoàn thành tiểu tu Tổ máy 2 theo kế hoạch đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và vận hành ổn định tin cậy.
- Hoàn thành nâng cấp hệ thống DCS tổ máy H1 làm cơ sở để hoàn thành nâng cấp DCS/SCADA các tổ máy H2, H3 được nhanh hơn trong đầu năm 2024.
- Chủ động và quản lý tốt công tác dự phòng vật tư, thiết bị: lưu kho và bảo quản tốt, tối ưu vật tư tồn kho, mua sắm vật tư kịp thời, thực hiện công tác đánh giá kiểm tra tình trạng thiết bị định kỳ đảm bảo chất lượng sẵn sàng thay thế để vận hành liên tục.
- Lập phương án, kế hoạch duyệt cho sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên và kế hoạch mua sắm vật tư dự phòng năm 2024.
- Khắc phục và cải tiến các khiếm khuyết hệ thống thiết bị NMNP/NPMR.

1.4. Công tác Quản lý - Đào tạo CBCNV Nhà máy:

- Công ty: Tiếp tục hoàn thiện các Quy trình quản lý, điều hành: Đào tạo bổ sung các chứng chỉ đầu thầu, quản lý dự án, giám sát cho các cán bộ và chuyên viên; Tiếp tục tiết giảm chi phí, tối ưu hóa lợi nhuận đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.
- Nhà máy: Công tác đào tạo: Công ty đã chủ động cho CBCNV thực hiện thi sát hạch bảo vệ chức danh năm 2023, Lập kế hoạch và thực hiện các lớp đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ PCCC; ATVSLĐ tại Nhà máy.

1.5. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Nhà máy đã vận hành 10 năm nên bộ máy quản lý đã có nhiều kinh nghiệm với tay nghề ngày càng cao nên thường xuyên có những cải tiến nâng cao độ tin cậy của vận hành, nâng cao hiệu quả phát điện, giảm thiểu công suất vô công,...
- Nhà máy nằm ở vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi, được xây dựng ở khu vực đầu nguồn điện cung ứng cho khu vực Miền Bắc nên nhu cầu phụ tải cao và nằm ở bậc dưới cùng của suối Ngòi Phát nên các hồ chứa của các nhà máy thủy điện cùng lưu vực cũng góp phần duy trì ổn định hơn sản lượng điện sản xuất của Nhà máy.
- Công tác quản trị không ngừng được cải thiện và được hỗ trợ rất tích cực từ 2 công ty mẹ là các đơn vị chuyên nghiệp và có thương hiệu hàng đầu của Việt Nam và Nhật Bản.

1.6. Kết quả sản xuất kinh doanh

- Mặc dù điều kiện thủy văn khó khăn nhưng dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, tập thể lãnh đạo Công ty và CBCNV đã đoàn kết và nỗ lực để hoàn thành cao nhất nhiệm vụ kế hoạch SXKD. Kết quả cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng (Triệu Kwh)	426,787	356,479	83,5%
2	Doanh thu	389.750	325.481	83,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	152.482	107.055	70,2%
4	Cổ tức	30%	20%	66,7%

2. Tình hình tài chính

Tình hình thủy văn 6 tháng đầu năm không thuận lợi dẫn đến sản lượng điện thương phẩm và doanh thu bán điện không đạt như kỳ vọng. Tuy nhiên, Công ty đã có những giải pháp phù hợp và làm việc với các tổ chức tín dụng và các cơ quan có liên quan để đảm bảo đủ dòng tiền cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, trả nợ ngân hàng và hoàn thành chi trả cổ tức cho các cổ đông vào tháng 10/2023.

Tình hình thủy văn 6 tháng cuối năm 2023 được cải thiện nên hoạt động sản xuất đã dần ổn định, đảm bảo được cân đối dòng tiền để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho các tổ chức tín dụng và cổ tức cho các cổ đông. Đến cuối kỳ, Công ty vẫn đảm bảo số dư 32,74 tỷ đồng và đảm bảo dòng tiền ổn định phục vụ công tác SXKD đầu năm 2024.

- Tình hình trả nợ gốc vay (Đơn vị tính: Triệu đồng).

STT	Nội Dung	Số Tiền	Ghi chú
1	Dư nợ gốc vay đầu năm	846.152	
2	Vay ngắn hạn trong kỳ	65.206	
3	Đã trả nợ gốc vay	150.938	
4	Dư nợ gốc vay cuối kỳ (1+2-3)	760.420	Không có nợ xấu

- Tình hình trả nợ lãi vay (*Đơn vị tính: Triệu đồng*).

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Lãi vay đã trả	77,304	Thanh toán đúng kỳ

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Ban lãnh đạo Công ty luôn tìm giải pháp hoàn thiện về cơ cấu tổ chức và đưa ra những chính sách hợp lý đáp ứng cho từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hàng năm xem xét, đánh giá về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận để có những điều chỉnh cho phù hợp.
- Cơ cấu tổ chức tinh gọn, không chồng chéo, chức năng nhiệm vụ rõ ràng và phân cấp quản lý từ Lãnh đạo Công ty đến các phòng ban, đơn vị trực thuộc thống nhất quản lý điều hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục cắt giảm tối ưu chi phí quản lý đảm bảo, trung thực, minh bạch, rõ ràng.
- Phối hợp với TTC để tìm đối tác nhận chuyển nhượng chứng chỉ NLTT.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh; phát huy tinh thần sáng tạo trong đổi mới khoa học, công nghệ, ứng dụng CNTT trong điều hành, quản trị tại các phòng ban, Nhà máy.
- Tăng cường hoạt động đào tạo nội bộ tại đơn vị; thảo luận xây dựng kế hoạch, giải pháp, xây dựng mối quan hệ mật thiết với các đơn vị bạn cùng ngành nghề, cùng khu vực, địa bàn và có thiết bị tương đồng để tối ưu hóa nguồn nước, tìm kiếm công việc sửa chữa, bảo trì máy móc, thiết bị bên ngoài, tận dụng hàng dự phòng trong trường hợp cần thiết.
- Chăm lo đời sống CBCNV đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần, thực hiện đầy đủ các chế độ của nhà nước, của Tổng công ty quy định về quyền lợi của người lao động.
- Công tác từ thiện: Thực hiện đầy đủ phúc lợi cho người lao động, công tác an sinh xã hội và trách nhiệm cộng đồng.
- Thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và bảo đảm trật tự, an ninh khu vực. Phối hợp chặt chẽ với các BCH PCTT&TKCN tỉnh Lào Cai thực hiện tốt kế hoạch công tác PCTT&TKCN hàng năm. Phối hợp với cơ quan công an, quân sự địa phương tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ, đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực và an toàn cho công trình.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2023 được đính kèm theo Báo cáo thường niên mục VI.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (Tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Tuân thủ thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy:

- Quan trắc chất lượng môi trường định kỳ tại Nhà máy: 03, 06 tháng/lần/năm;
- Trồng rừng thay thế hoàn nguyên sau thi công xong dự án;
- Duy trì dòng chảy tối thiểu phía hạ lưu đảm bảo nước cho hệ sinh thái;

- Đối với các chất thải nguy hại: Như dầu thải, ắc quy, bóng đèn, rẻ lau..... thu gom lưu kho và xử lý theo quy định của pháp luật;
- Đối với các chất thải sinh hoạt, chất rắn thông thường: Phân loại, tập kết xử lý chôn lấp hợp vệ sinh.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Thực hiện đúng quy định của Nhà nước về việc sử dụng người lao động.

- Sử dụng lao động đúng mục đích tuyển dụng và đảm bảo quyền lợi của người lao động;
- Người lao động được đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ công tác sản xuất của Nhà máy theo đúng quy định của Nhà nước;
- Về thời gian làm việc:

Về thời gian làm việc:	Thời gian	Ghi chú
Bộ phận hành chính	Sáng: 8h00 đến 12h00 Chiều: 13h00 đến 17h00	
Bộ phận đi ca	K1: 7h00 đến 15h00 K2: 15h00 đến 22h00 K3: 22h00 đến 7h00	

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Tạo công ăn việc làm cho CB-CNV địa phương đóng trên địa bàn;
- Trồng rừng thay thế hoàn nguyên sau thi công xong dự án;
- Đóng thuế môi trường Rừng, Nước, Thuế GTGT... Công ty đều thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định.

IV. Đánh giá chung của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Về công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp HĐQT và 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ban hành 24 Nghị quyết/ Quyết định (tại các phiên họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Công ty và chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các nhiệm vụ SXKD được ĐHCĐ giao, cụ thể như sau:

- Phê duyệt quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty NEDI2 (06/02/2023).
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của công ty NEDI2 (10/04/2023).
- Nghị quyết về lựa chọn công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023 của công ty NEDI2 (20/6/2023).
- Quyết định phê duyệt phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2022 (26/05/2023).
- Quyết định thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty (26/05/2023).
- Quyết định phê duyệt chủ trương cho phép Công ty được vay vốn lưu động, vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh (09/08/2023).
- Nghị quyết phê duyệt chủ trương sử dụng thử nghiệm Hệ thống tối ưu hoá vận hành hồ chứa – Chương trình HNT (01/11/2023).

- (viii) Quyết định ban hành Sơ đồ tổ chức của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (10/11/2023).
 - (ix) Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động các Phòng nghiệp vụ, Nhà máy của Công ty (10/11/2023).
 - (x) Quyết định ban hành Quy chế phân phối tiền lương, thu nhập của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (10/11/2023).
- Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên, Ban hành các quyết định phê duyệt các quy chế quản lý nội bộ làm cơ sở để Ban điều hành triển khai.
 - Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động SXKD năm 2023 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 do điều kiện thủy văn không tốt nên chỉ hoàn thành được 70,2% kế hoạch lợi nhuận được ĐHĐCĐ phê duyệt.

1.2. Đánh giá kết quả SXKD của Công ty trong năm 2023

1.2.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2023 của Công ty NEDI2

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ hoàn thành/Kế hoạch năm 2023
1	Doanh thu thuần	389.750	325.481	83,5%
2	Lợi nhuận sau thuế	152.482	107.055	70,2%
3	Cổ tức (%)	30%	20%	66,7%

1.2.2. Đánh giá chung về kết quả SXKD của Công ty năm 2023

- Điều kiện thời tiết, thủy văn năm 2023 kém hơn nhiều so với bình quân các năm trước do bị ảnh hưởng bởi hiện tượng El Niño: Mùa mưa bắt đầu muộn và kết thúc sớm hơn so với trung bình nhiều năm.
- Nhà máy đã đáp ứng vận hành ổn định cả 04 tổ máy, không có sự cố chủ quan, đảm bảo An toàn - Tin cậy - Liên tục đạt công suất thiết kế khi có đủ nước.
- Công tác làm chủ công nghệ và vận hành đảm bảo. Công tác vận hành sản xuất tối ưu, phối hợp tốt với các cấp điều độ EVN nên khi nước về được vận hành liên tục, không phải xuống máy, đồng thời giá thị trường điện tối ưu, giảm chi phí điện tự dùng, nâng cao tuổi thọ thiết bị...
- Về công tác thị trường điện:
 - + Năm 2023, sản lượng điện tham gia thị trường điện cạnh tranh là 17,85 triệu kwh.
 - + Theo Quyết định số 238/QĐ-ĐTĐL của Bộ Công thương ký ngày 30/12/2022 quy định tỷ lệ tham gia Thị trường điện trong năm 2023 cho các dự án thủy điện có hồ điều tiết như Ngòi Phát (dưới 2 ngày) là 10%, tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên EVN đã đề nghị và thỏa thuận xuống mức 5% cho toàn bộ các tháng của năm 2023.
 - + Mặc dù tỷ lệ tham gia Thị trường điện giảm xuống 5% và sản lượng điện không cao như kỳ vọng nhưng lợi nhuận từ Thị trường điện vẫn đạt mức 6,012 tỷ đồng.

- Công tác bảo trì, sửa chữa, cải tiến Kaizen: Hoàn thành công tác bảo trì bảo dưỡng sửa chữa thiết bị đảm bảo đúng quy trình và yêu cầu kỹ thuật, xử lý kịp thời các sự cố và khắc phục khiếm khuyết của thiết bị, hoàn thành công tác Đại tu tổ máy H1 đảm bảo chất lượng, tiến độ và bàn giao kịp thời cho đơn vị nâng cấp DCS/SCADA, hoàn thành tiêu tu tổ máy H2, Nâng cấp hệ thống DCS/SCADA hoàn thành tổ máy H1 đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.

Nhận định chung: Mặc dù gặp nhiều khó khăn do tình hình thủy văn kém nhưng với sự nỗ lực, phấn đấu của tập thể Ban điều hành và Cán bộ công nhân viên Công ty, cùng với sự lãnh đạo sáng suốt, kịp thời của Hội đồng quản trị và của Tổng công ty cổ phần VINACONEX, năm 2023 Công ty NED12 đã hoàn thành 70,2% kế hoạch lợi nhuận và 66,7% kế hoạch cổ tức được Đại hội đồng cổ đông giao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Trong năm 2023, Ban Tổng Giám đốc, đứng đầu là Tổng Giám đốc, đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và Đăng ký kinh doanh.;
- Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc là những cán bộ có kinh nghiệm, năng lực, trình độ và tinh thần trách nhiệm. Tổng Giám đốc đã chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; xây dựng cơ chế làm việc minh bạch, quyết liệt, phân quyền cụ thể để mỗi thành viên có thể phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực công tác được giao;
- Tổng Giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban định kỳ hàng tuần/ tháng với các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng/ Phó các phòng, Lãnh đạo Nhà máy thủy điện Ngòi Phát để chỉ đạo các công việc hàng ngày của Công ty và triển khai các quyết định, nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ giao một cách triệt để - quyết liệt – kịp thời nhằm hoàn thành kế hoạch được giao;
- Hoạt động tài chính, quản lý dòng tiền thu - chi hiệu quả, minh bạch, đáp ứng yêu cầu SXKD, không để xảy ra nợ quá hạn với các tổ chức tín dụng;
- Công tác quan hệ cổ đông, công bố thông tin tiếp tục được duy trì tốt;
- Duy trì tốt các hoạt động của Đảng ủy và Công đoàn Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh từ năm 2015 đến năm 2023 và tinh thần đoàn kết – đồng lòng của Tập thể lãnh đạo Công ty – người lao động, HĐQT xác định một số nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện năm 2024 như sau:

- Tập trung chỉ đạo, phối hợp và giám sát Ban Tổng giám đốc triển khai các giải pháp nhằm thực hiện thành công kế hoạch SXKD năm 2024 được ĐHĐCĐ phê duyệt;
- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản trị điều hành, tư duy, năng động, phát huy trí tuệ tập thể;
- Tập trung vận hành cụm nhà máy thủy điện Ngòi Phát hiệu quả, an toàn hệ thống, tiến hành cải tiến kỹ thuật nhằm vận hành nhà máy hiệu quả nhất;

- Phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp phát điện trên địa bàn để vận hành Nhà máy thủy điện Ngòi Phát đạt hiệu quả cao, đảm bảo an toàn, tin cậy;
- Tiếp tục thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Dương Văn Mậu	Chủ tịch HĐQT	Thành viên độc lập không điều hành
Vũ Mạnh Hùng	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Vũ Đức Thịnh	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Yusuke Takahashi	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Katsuhito Miyajima	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

Họ và tên	Đại diện phần vốn	Cổ phần cá nhân	Tỷ lệ
Dương Văn Mậu	12.546.575	0 CP	25,1%
Vũ Mạnh Hùng	6.500.000	0 CP	13%
Vũ Đức Thịnh	6.500.000	0 CP	13%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị của Công ty đã tiến hành họp 7 cuộc họp Hội đồng quản trị, thời gian cụ thể như sau:

STT	Số cuộc họp	Ngày, tháng	Nội dung
1	20/2023/BB-HĐQT	06/02/2023	Họp và thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
2	21/2023/BB-HĐQT	03/03/2023	HĐQT họp để điều chỉnh kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
3	22/2023/BB-HĐQT	07/03/2023	Thông qua các tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
4	23/2023/BB-HĐQT	27/03/2023	Rà soát tình hình thực hiện quỹ tiền lương năm 2022.
5	22/2023/BB-HĐQT	26/05/2023	Kiểm toàn nhân sự chủ chốt của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2.
6	24/2023/BB-HĐQT	25/07/2023	Đánh giá kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 của Công ty.

7	25/2023/BB-HĐQT	09/11/2023	Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2023 và kế hoạch SXKD 03 tháng cuối năm 2023. Dự thảo kế hoạch SXKD năm 2024.	
STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Dương Văn Mậu	07	7/7	
2	Vũ Mạnh Hùng	07	7/7	
3	Vũ Đức Thịnh	07	7/7	
4	Kastuhito Miyajima	07	7/7	
5	Yusuke Takahashi	07	7/7	

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2023):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	Số 57/2023/QĐ-HĐQT	06/02/2023	Phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP NEDI2
2	Số 58/2023/QĐ- HĐQT	03/03/2023	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP NEDI2
3	Số 59/2023/QĐ-HĐQT	07/03/2023	Thông qua các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP NEDI2
4	Số 60/2023/QĐ-HĐQT	04/04/2023	Thành lập Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
5	Số 61/2023/QĐ-HĐQT	27/03/2023	Quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục những tồn tại trong việc thực hiện quỹ lương năm 2022
6	Số 06/2023/NQ-ĐHĐCĐ	10/04/2023	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
7	Số 64/2023/QĐ-HĐQT	26/05/2023	Phê duyệt phương án chi trả cổ tức bằng tiền năm tài chính 2022
8	Số 65/2023/QĐ-HĐQT	26/05/2023	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với ông Ứng Hồng Vận

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
9	Số 66/2023/QĐ-HĐQT	26/05/2023	Giao nhiệm vụ cho ông Ngô Mạnh Cường – Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm nhiệm Giám đốc Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát
10	Số 67/2023/QĐ-HĐQT	26/05/2023	Giao nhiệm vụ cho ông Ứng Hồng Vận Trợ lý Chủ tịch HĐQT
11	Số 68/2023/QĐ-HĐQT	26/05/2023	Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với ông Đỗ Vương Cường
12	Số 69/2023/QĐ-HĐQT	26/05/2023	Thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty
13	Số 70/2023/NQ-HĐQT	20/06/2023	HĐQT thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023
14	Số 71/2023/QĐ-HĐQT	21/07/2023	Phê duyệt điều chỉnh ngày chi trả phương án chi trả cổ tức bằng tiền năm 2022
15	Số 72/2023/QĐ-HĐQT	26/07/2023	Tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động đối với ông Vũ Tuấn Hùng
16	Số 73/2023/QĐ-HĐQT	09/08/2023	Phê duyệt chủ trương cho phép Công ty được vay vốn lưu động, vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh
17	Số 74/2023/QĐ-HĐQT	29/09/2023	Cho cán bộ nhân viên nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí
18	Số 75/2023/QĐ-HĐQT	30/09/2023	Giao Ban Lãnh đạo Công ty CP NEDI2 ký hợp đồng chuyên gia cho ông Ứng Hồng Vận
19	Số 76/2023/QĐ-HĐQT	01/11/2023	Phê duyệt chủ trương thanh lý vật tư thiết bị lưu kho nhà máy thủy điện Ngòi Phát
20	Số 77/2023/QĐ-HĐQT	01/11/2023	Phê duyệt chủ trương sử dụng thử nghiệm Hệ thống tối ưu hóa vận hành hồ chứa – Chương trình HNT
21	Số 78/2023/QĐ-HĐQT	10/11/2023	Ban hành Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2
22	Số 79/2023/QĐ-HĐQT	10/11/2023	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động các Phòng nghiệp vụ, Nhà máy của Công ty
23	Số 80/2023/QĐ-HĐQT	10/11/2023	Ban hành Quy chế phân phối tiền lương, thu nhập của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
24	Số 81/2023/NQ-HĐQT	27/12/2023	Phê duyệt chủ trương thanh lý ô tô con của Công ty CP NEDI2

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Vũ Văn Mạnh	Trưởng ban	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Lê Thanh Hải	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Kenichi Suzuki	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

- Những thay đổi trong Ban Kiểm soát năm 2023:

- + Miễn nhiệm Thành viên BKS đối với ông Kenichi Suzuki ngày 10/04/2023
- + Bổ nhiệm Thành viên BKS đối với ông Lê Thanh Hải ngày 10/04/2023.

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông;
- Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, thẩm định báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022; Thông qua các Báo cáo/Tờ trình, của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
- Hỗ trợ Công ty trong công tác rà soát tài liệu, chuẩn bị và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023;
- Xem xét tính pháp lý, trình tự ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Xem xét, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các quý năm 2023 của Công ty;
- Hỗ trợ công ty trong công tác lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023 của công ty;
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định pháp luật về yêu cầu công bố thông tin đối với công ty đại chúng;
- Tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT Công ty;
- Tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm 2023;
- Các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- + Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, được tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Ban Kiểm soát được cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- + Ban kiểm soát được cung cấp thông tin tài liệu liên quan đến công tác quản lý, điều hành và tình hình tài chính của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Giá trị các khoản thù lao và chi phí chi tiết cho từng người cụ thể như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Chức danh	Chủ tịch	Thành viên
Thù lao	50.000.000 đ/tháng	35.000.000 đ/tháng
BAN KIỂM SOÁT		
Chức danh	Trưởng ban	Thành viên
Thù lao	35.000.000 đ/tháng	25.000.000 đ/tháng
BAN GIÁM ĐỐC		
Chức danh	Tổng Giám Đốc điều hành	Phó Tổng Giám đốc
Lương cố định	75.000.000 đ/tháng	63.750.000 đ/tháng

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đình Tuấn Anh	KTT Công ty	364.000	0.728%	346.300	0.69%	Giảm do bán

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của Nhà nước về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Kèm theo Báo cáo này là Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Vương Cường



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32

TB
JNC
TNI
C&
CT
NF
A D
EM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 12121000084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 10 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 25 tháng 4 năm 2015. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300215527 cấp ngày 6 tháng 5 năm 2004 với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 vào ngày 30 tháng 5 năm 2023.

Tại ngày 22 tháng 7 năm 2010, Công ty đã hoàn tất việc đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ND2.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện.

Công ty có trụ sở chính tại thôn San Bang, xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, và văn phòng đại diện tại tầng 9, tòa nhà Vinaconex, số 34, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Thịnh	Thành viên
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Katsuhito Miyajima	Thành viên
Ông Yusuke Takahashi	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên	
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2023
Ông Kenichi Suzuki	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Vương Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2023
Ông Ứng Hồng Vận	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2023
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tới ngày 29 tháng 5 năm 2023 là Ông Ứng Hồng Vận và từ ngày 30 tháng 5 năm 2023 tới ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Đỗ Vương Cường, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Đỗ Vương Cường
Tổng Giám đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2024

Số tham chiếu: 12830117/66923461

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) được lập ngày 27 tháng 2 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thái Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0402-2023-004-1



Đỗ Đức Hiếu
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4663-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2024

ĐỖ ĐỨC HIẾU
KIỂM TOÁN VIÊN
SỐ GIẤY CNĐKHN KIỂM TOÁN: 4663-2023-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		108.522.963.465	156.194.603.855
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	32.740.705.651	93.925.853.669
111	1. Tiền		28.740.705.651	8.599.163.181
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	85.326.690.488
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		51.362.530.277	35.969.879.714
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	42.437.458.844	20.080.543.526
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	776.152.453	4.918.265.853
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	8.794.934.704	11.617.086.059
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(646.015.724)	(646.015.724)
140	III. Hàng tồn kho	7	24.264.858.035	24.739.529.729
141	1. Hàng tồn kho		28.805.929.959	29.280.601.653
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.541.071.924)	(4.541.071.924)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		154.869.502	1.559.340.743
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		154.869.502	878.779.357
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	-	680.561.386
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.446.981.796.394	1.533.585.206.216
220	I. Tài sản cố định		1.406.282.039.700	1.497.782.177.059
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.406.282.039.700	1.497.782.177.059
222	Nguyên giá		2.134.557.964.445	2.134.557.964.445
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(728.275.924.745)	(636.775.787.386)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		7.235.128.600	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	7.235.128.600	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		33.464.628.094	35.803.029.157
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	33.464.628.094	35.803.029.157
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.555.504.759.859	1.689.779.810.071


02-00
C. T. Y.
PH
V. YOU
NAM
HÀNH
NỘI
T. P. I


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		778.136.831.302	916.238.938.294
310	I. Nợ ngắn hạn		196.984.858.929	180.086.965.921
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	4.005.725.020	3.324.034.850
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.760.479.161	3.412.373.966
314	3. Phải trả người lao động		2.821.938.640	5.875.673.954
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		811.167.507	867.852.234
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	7.317.936.688	56.471.264.934
320	6. Vay ngắn hạn	14.1	179.267.611.913	110.000.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	135.765.983
330	II. Nợ dài hạn		581.151.972.373	736.151.972.373
338	1. Vay dài hạn	14.2	581.151.972.373	736.151.972.373
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		777.367.928.557	773.540.871.777
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	777.367.928.557	773.540.871.777
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		499.939.607.633	499.939.607.633
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		499.939.607.633	499.939.607.633
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.388.399.680	14.388.399.680
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		263.039.921.244	259.212.864.464
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		159.224.944.464	87.676.642.507
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		103.814.976.780	171.536.221.957
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.555.504.759.859	1.689.779.810.071


Lâm Thị Hà
Người lập


Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng


Đỗ Vương Cường
Tổng Giám Đốc




Lào Cai, Việt Nam


Ngày 27 tháng 2 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	331.457.152.980	462.139.887.532
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16.1	(5.976.603.534)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	325.480.549.446	462.139.887.532
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(121.811.338.913)	(131.943.047.038)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		203.669.210.533	330.196.840.494
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	742.106.980	1.942.719.078
22	7. Chi phí tài chính	18	(77.370.798.254)	(77.639.392.637)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(77.304.771.106)	(77.558.340.556)
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(15.350.539.554)	(19.921.217.310)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		111.689.979.705	234.578.949.625
31	11. Thu nhập khác		306.227.273	10.900.000
32	12. Chi phí khác		(78.202.747)	(28.232.983)
40	13. Lợi nhuận/ (lỗ) khác		228.024.526	(17.332.983)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		111.918.004.231	234.561.616.642
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(4.863.027.451)	(9.971.434.685)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		107.054.976.780	224.590.181.957
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	2.077	4.431
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23	2.077	4.431


Lâm Thị Hà
Người lập


Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng


Đỗ Vương Cường
Tổng Giám Đốc



Lào Cai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		111.918.004.231	234.561.616.642
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	8	91.500.137.359	91.627.158.020
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	16.2	(742.106.980)	(1.942.719.078)
06	Chi phí lãi vay	18	77.304.771.106	77.558.340.556
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		279.980.805.716	401.804.396.140
09	Tăng các khoản phải thu		(14.712.089.177)	(625.137.766)
10	Giảm hàng tồn kho		474.671.694	287.403.112
11	Giảm các khoản phải trả		(10.439.527.586)	(10.356.817.889)
12	Giảm chi phí trả trước		3.062.310.918	1.908.551.746
14	Tiền lãi vay đã trả		(77.361.477.833)	(77.597.325.426)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.069.907.910)	(9.819.648.597)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(135.765.983)	(5.337.765.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		176.799.019.839	300.263.656.320
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(3.294.239.200)	(162.400.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		742.106.980	1.942.719.078
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư		(2.552.132.220)	1.780.319.078
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		65.205.925.469	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		(150.938.313.556)	(139.588.946.257)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(149.699.647.550)	(149.661.268.850)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(235.432.035.637)	(289.250.215.107)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(61.185.148.018)	12.793.760.291
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		93.925.853.669	81.132.093.378
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	32.740.705.651	93.925.853.669

Lâm Thị Hà
Người lập

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Vương Cường
Tổng Giám Đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 12121000084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 10 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 25 tháng 4 năm 2015. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300215527 cấp ngày 6 tháng 5 năm 2004 với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 vào ngày 30 tháng 5 năm 2023.

Tại ngày 22 tháng 7 năm 2010, Công ty đã hoàn tất việc đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ND2.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thôn Ban Sang, xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, và văn phòng đại diện tại tầng 9, tòa nhà Vinaconex, số 34, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 79 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 83).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty ("Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (“tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình”). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên đối chiếu và xác nhận sản lượng đầu ra hàng tháng giữa bên mua và bên bán, với giá được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.13 Thuế (tiếp theo)**

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện. Đồng thời, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty nhận định là chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh theo sản phẩm hay khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	2.267.231.429	887.834.379
Tiền gửi ngân hàng	26.473.474.222	7.711.328.802
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	85.326.690.488
TỔNG CỘNG	<u>32.740.705.651</u>	<u>93.925.853.669</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, hưởng lãi suất 2,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6,0%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	42.437.458.844	20.080.543.526
TỔNG CỘNG	42.437.458.844	20.080.543.526

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Yokogawa Việt Nam	-	3.940.889.400
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	250.084.000	250.084.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Việt Hưng	212.158.655	212.158.655
Các đối tượng khác	313.909.798	515.133.798
TỔNG CỘNG	776.152.453	4.918.265.853

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.518.905.275	-	6.182.868.555	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.831.100.000	-	4.775.811.000	-
Phải thu khác	1.444.929.429	(646.015.724)	658.406.504	(646.015.724)
TỔNG CỘNG	8.794.934.704	(646.015.724)	11.617.086.059	(646.015.724)

7. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.076.482.762	(793.421.954)	1.209.133.363	(793.421.954)
Công cụ, dụng cụ	27.729.447.197	(3.747.649.970)	28.071.468.290	(3.747.649.970)
TỔNG CỘNG	28.805.929.959	(4.541.071.924)	29.280.601.653	(4.541.071.924)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.541.071.924	4.541.071.924
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	-
Trừ: Số đã sử dụng và hoàn nhập trong năm	-	-
Số cuối năm	4.541.071.924	4.541.071.924

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					Tổng cộng
Số đầu năm	1.440.211.911.241	645.660.326.558	48.475.775.688	209.950.958	2.134.557.964.445
Số cuối năm	1.440.211.911.241	645.660.326.558	48.475.775.688	209.950.958	2.134.557.964.445
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	3.448.420.467	927.611.890	3.648.488.545	209.950.958	8.234.471.860
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	377.663.016.516	248.475.953.273	10.489.516.639	147.300.958	636.775.787.386
Khấu hao trong năm	54.127.418.967	36.745.663.311	564.405.081	62.650.000	91.500.137.359
Số cuối năm	431.790.435.483	285.221.616.584	11.053.921.720	209.950.958	728.275.924.745
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	1.062.548.894.725	397.184.373.285	37.986.259.049	62.650.000	1.497.782.177.059
Số cuối năm	1.008.421.475.758	360.438.709.974	37.421.853.968	-	1.406.282.039.700

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản có định hữu hình làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 14.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đây là các chi phí nâng cấp hệ thống SCADA, DCS cho Nhà máy thủy điện Ngòi Phát theo Hợp đồng số 18/2022/HĐKT/NEDI2-YOKOGAWA ký ngày 09 tháng 12 năm 2022 với Công ty TNHH Yokogawa Việt Nam.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*)	19.501.441.268	19.501.441.268
Chi phí thuê văn phòng (**)	9.374.542.782	9.694.129.470
Chi phí đại tu máy móc thiết bị	3.714.109.536	3.893.930.716
Chi phí cải tạo lòng sông	-	2.090.761.337
Các khoản trả trước khác	874.534.508	622.766.366
TỔNG CỘNG	<u>33.464.628.094</u>	<u>35.803.029.157</u>

(*) Đây là khoản tiền Công ty đã chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng Dự án thủy điện Ngòi Phát (các xã Bản Vược, Bản Xèo và Dền Thành, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) với số tiền 18.060.670.918 VND. Trong năm 2020, Công ty đã phát sinh thêm chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng Dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng (xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) với số tiền 1.440.770.350 VND.

(**) Chi phí thuê văn phòng phản ánh các khoản trả trước tiền thuê 211,77 m² của tầng 9, toà nhà Vinaconex, số 34, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 114A/2016/HĐKT-BĐT ngày 24 tháng 3 năm 2016 giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với thời hạn 37 năm tính từ ngày 1 tháng 5 năm 2016.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH Andritz Hydro Private	2.069.293.747	2.069.293.747	2.069.293.747	2.069.293.747
Các đối tượng khác	1.936.431.273	1.936.431.273	1.254.741.103	1.254.741.103
TỔNG CỘNG	<u>4.005.725.020</u>	<u>4.005.725.020</u>	<u>3.324.034.850</u>	<u>3.324.034.850</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp/cán trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế tài nguyên	1.973.683.879	34.275.199.464	(34.765.904.364)	1.482.978.979
Thuế giá trị gia tăng	1.396.449.602	33.336.716.791	(33.577.274.632)	1.155.891.761
Thuế thu nhập cá nhân	42.240.485	2.632.220.368	(2.665.410.587)	9.050.266
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(680.561.386)	4.863.027.451	(4.069.907.910)	112.558.155
Thuế khác	-	4.429.474.400	(4.429.474.400)	-
TỔNG CỘNG	2.731.812.580	79.536.638.474	(79.507.971.893)	2.760.479.161
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu</i>	<i>(680.561.386)</i>			-
<i>Phải trả</i>	<i>3.412.373.966</i>			<i>2.760.479.161</i>

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả	2.643.321.528	52.355.049.078
Phải trả quỹ phát triển rừng	3.035.926.296	3.117.851.676
Kinh phí công đoàn	122.350.626	120.356.384
Phải trả khác	1.516.338.238	878.007.796
TỔNG CỘNG	7.317.936.688	56.471.264.934
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	<i>7.317.936.688</i>	<i>13.426.803.934</i>
<i>Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	<i>-</i>	<i>43.044.461.000</i>

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VAY

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 14.1)	-	-	65.205.925.469	(35.938.313.556)	29.267.611.913	29.267.611.913
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14.2)	110.000.000.000	110.000.000.000	150.000.000.000	(110.000.000.000)	150.000.000.000	150.000.000.000
	110.000.000.000	110.000.000.000	215.205.925.469	(145.938.313.556)	179.267.611.913	179.267.611.913
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 14.2)	736.151.972.373	736.151.972.373	-	(155.000.000.000)	581.151.972.373	581.151.972.373
	736.151.972.373	736.151.972.373	-	(155.000.000.000)	581.151.972.373	581.151.972.373
TỔNG CỘNG	846.151.972.373	846.151.972.373	215.205.925.469	(300.938.313.556)	760.419.584.286	760.419.584.286

14.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

	Số cuối năm (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	29.267.611.913	Lãi suất 8%/năm được áp dụng đến ngày 31/12/2023, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng	Lãi vay trả hàng tháng. Thời hạn thanh toán gốc vay là ngày 18 tháng 9 năm 2024.	Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm, máy móc, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án.

TỔNG CỘNG **29.267.611.913**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VAY (tiếp theo)

14.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	645.751.972.373	Lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng cộng biên độ 2,8%. Lãi suất áp dụng trong năm là 7,75%/năm - 10,2%/năm.	Khoản vay được ân hạn gốc vay trong vòng 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 28 tháng 11 năm 2008. Gốc vay được thanh toán hàng quý trong vòng 52 quý. Lần trả nợ gốc đầu tiên được ấn định là ngày 25 tháng 2 năm 2015. Lãi vay được trả hàng quý.	Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, máy móc, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án hay trên khu đất.
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>	140.000.000.000			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương	85.400.000.000	Lãi suất cơ sở cộng với biên độ. Biên độ là 2,95% và được điều chỉnh mỗi 6 tháng. Lãi suất áp dụng trong năm là 8,3%/năm - 10%/năm.	Khoản vay được ân hạn gốc vay trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày phát sinh doanh thu từ Dự án. Gốc vay được thanh toán hàng quý trong vòng 52 quý kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2018. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát mở rộng, bao gồm quyền sử dụng đất, máy móc, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án hay trên khu đất.
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>	10.000.000.000			
TỔNG CỘNG	731.151.972.373			
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả	150.000.000.000			
- Vay dài hạn	581.151.972.373			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Vốn cổ phần đã phát hành</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước				
Số đầu năm	499.939.607.633	14.388.399.680	245.718.522.650	760.046.529.963
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	224.590.181.957	224.590.181.957
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.700.000.000)	(1.700.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	-	-	(3.300.000.000)	(3.300.000.000)
- Cổ tức công bố 2021	-	-	(149.981.880.000)	(149.981.880.000)
- Tạm ứng cổ tức 2022	-	-	(49.993.960.000)	(49.993.960.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc 2021	-	-	(3.060.000.000)	(3.060.000.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc 2022	-	-	(3.060.000.000)	(3.060.000.000)
- Giảm khác	-	-	(143)	(143)
Số cuối năm	<u>499.939.607.633</u>	<u>14.388.399.680</u>	<u>259.212.864.464</u>	<u>773.540.871.777</u>
Năm nay				
Số đầu năm	499.939.607.633	14.388.399.680	259.212.864.464	773.540.871.777
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	107.054.976.780	107.054.976.780
- Cổ tức công bố (*)	-	-	(99.987.920.000)	(99.987.920.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc (**)	-	-	(3.240.000.000)	(3.240.000.000)
Số cuối năm	<u>499.939.607.633</u>	<u>14.388.399.680</u>	<u>263.039.921.244</u>	<u>777.367.928.557</u>

(*) Theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên và Quyết định số 64/2023/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã công bố chia cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022.

(**) Căn cứ theo Phương án chi trả năm 2023 số 80/2023/BC-HĐQT được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt tại Nghị quyết số 06/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty đã tạm chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Vốn cổ phần đã phát hành

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam Công ty Toyota Tsusho Corporation Các cổ đông khác	255.465.750.000	255.465.750.000	-	255.465.750.000	255.465.750.000	-	
	174.978.860.000	174.978.860.000	-	174.978.860.000	174.978.860.000	-	
	69.494.990.000	69.494.990.000	-	69.494.990.000	69.494.990.000	-	
TỔNG CỘNG	499.939.600.000	499.939.600.000	-	499.939.600.000	499.939.600.000	-	

15.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã trả trong năm	149.981.880.000	149.113.543.650
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2022 được công bố trong năm nay: VND 2.000/cổ phiếu	99.987.920.000	-
Cổ tức cho năm 2022 được công bố trong năm trước: VND 1.000/cổ phiếu	49.993.960.000	
Cổ tức cho năm 2021: VND 3.000/cổ phiếu	-	149.113.543.650
Cổ tức đã công bố và chưa trả trong năm	-	50.862.296.350
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Tạm ứng cổ tức cho năm 2022: VND 1.000/cổ phiếu		49.993.960.000
Cổ tức cho năm 2021: VND 3.000/cổ phiếu	-	868.336.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	49.993.960	49.993.960
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.993.960	49.993.960
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.993.960	49.993.960
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.993.960	49.993.960
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: VND 10.000).

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	331.457.152.980	462.139.887.532
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán điện</i>	331.457.152.980	461.101.386.766
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	-	1.038.500.766
Các khoản giảm trừ doanh thu (*)	(5.976.603.534)	-
Doanh thu thuần	325.480.549.446	462.139.887.532
Trong đó:		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	325.480.549.446	461.846.407.532
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 22)</i>	-	293.480.000

(*) Đây là khoản giảm trừ doanh thu do sai số của điểm đo công tơ theo Văn bản số 5965/EPTC-KDBĐ của Công ty mua bán điện ban hành ngày 19 tháng 7 năm 2023.

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	742.106.980	1.942.719.078
TỔNG CỘNG	742.106.980	1.942.719.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	121.811.338.913	131.943.047.038
TỔNG CỘNG	121.811.338.913	131.943.047.038

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	77.304.771.106	77.558.340.556
Chi phí tài chính khác	66.027.148	81.052.081
TỔNG CỘNG	77.370.798.254	77.639.392.637

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lương và phụ cấp lương	9.232.662.926	12.739.542.049
Chi phí khấu hao	642.823.081	727.743.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.947.513.096	2.222.153.508
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.527.540.451	4.231.778.669
TỔNG CỘNG	15.350.539.554	19.921.217.310

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.527.644.355	2.933.344.160
Chi phí lương và phụ cấp lương	22.743.936.278	28.661.764.462
Chi phí khấu hao	91.500.137.359	91.627.158.020
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.697.428.174	23.971.421.554
Chi phí khác	4.692.732.301	4.670.578.152
TỔNG CỘNG	137.161.878.467	151.864.264.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất hiện hành là 20%.

Đối với dự án ban đầu

Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (từ năm 2014 đến năm 2028). Theo Thông tư 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026). Theo đó, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện tại là 5%.

Đối với dự án đầu tư mở rộng:

Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (từ năm 2020 đến năm 2034). Theo Thông tư 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2020 đến năm 2023) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2024 đến năm 2032). Theo đó, thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế TNDN cho năm hiện tại.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.863.027.451	9.971.434.685
TỔNG CỘNG	4.863.027.451	9.971.434.685

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	111.918.004.231	234.561.616.642
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	11.191.800.423	23.456.161.664
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm):		
Ưu đãi giảm 50% thuế suất cho dự án ban đầu	(4.588.638.173)	(9.968.868.708)
Thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế	(2.014.524.076)	(3.518.424.250)
Chi phí không được khấu trừ	156.826.248	1.280.934
Truy thu thuế TNDN theo Quyết định Thanh tra thuế số 5772/QĐ-XPHC	117.563.029	-
Các khoản phạt	-	1.285.045
Chi phí thuế TNDN	4.863.027.451	9.971.434.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Toyota Tsusho Corporation	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Môi giới Bảo hiểm Toyota Tsusho (Việt Nam)	Công ty cùng Tập đoàn với Cổ đông lớn
Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch Hội đồng quản trị ("HĐQT")
Ông Vũ Đức Thịnh	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Katsuhito Miyajima	Thành viên HĐQT
Ông Yusuke Takahashi	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng ban Ban kiểm soát ("BKS")
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên BKS từ ngày 10 tháng 4 năm 2023
Ông Kenichi Suzuki	Thành viên BKS đến ngày 10 tháng 4 năm 2023
Ông Đỗ Vương Cường	Tổng giám đốc từ ngày 29 tháng 5 năm 2023
Ông Ứng Hồng Vận	Tổng Giám đốc đến ngày 29 tháng 5 năm 2023
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam ("Tổng Công ty Vinaconex")	Công ty mẹ	Phí thương hiệu	150.000.000	150.000.000
		Cổ tức đã trả	76.639.725.000	76.639.725.000
		Chi phí thuê văn phòng, điện nước	497.525.610	453.872.099
Công ty Toyota Tsusho Corporation	Cổ đông lớn	Cổ tức đã trả	52.493.658.000	17.497.886.000
		Thanh toán lương thưởng cho ban giám đốc	170.000.000	-
Công ty Cổ phần Bách Thiên Lộc	Công ty cùng Tập đoàn	Phí dịch vụ cung cấp	-	293.480.000
		Vay	-	5.000.000.000
Công ty TNHH Môi giới Bảo hiểm Toyota Tsusho (Việt Nam)	Công ty cùng Tập đoàn với Cổ đông lớn	Thanh toán gốc vay	-	5.000.000.000
		Phí dịch vụ	114.607.459	-

Các nghiệp vụ mua/bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Theo hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa giữa Công ty và Tổng Công ty Vinaconex vào ngày 5 tháng 8 năm 2015, Công ty có quyền sử dụng các nhãn hiệu do Tổng Công ty Vinaconex sở hữu trong hoạt động kinh doanh của mình với hiệu lực từ ngày của hợp đồng đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Theo đó, trong năm 2023, Công ty có nghĩa vụ trả phí thương hiệu bằng 150.000.000 VND/năm cho việc sử dụng các nhãn hiệu này.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 13)				
Tổng Công ty Vinaconex	Công ty mẹ	Phải trả cổ tức	-	25.546.575.000
Công ty Toyota Tsusho Corporation	Cổ đông lớn	Phải trả cổ tức	-	17.497.886.000
TỔNG CỘNG			-	43.044.461.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập</i>		
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Ông Ứng Hồng Vận	Tổng Giám đốc đến ngày 29 tháng 5 năm 2023	1.018.499.375	1.327.057.456	
Ông Đỗ Vương Cường	Tổng giám đốc từ ngày 29 tháng 5 năm 2023	972.736.875	943.750.000	
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng giám đốc	948.718.750	1.035.807.123	
Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch HĐQT	700.000.000	914.264.706	
Ông Katsuhito Miyajima	Thành viên HĐQT	490.000.000	656.470.588	
Ông Yusuke Takahashi	Thành viên HĐQT	490.000.000	656.470.588	
Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng BKS	490.000.000	636.470.488	
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	490.000.000	599.852.941	
Ông Vũ Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	490.000.000	599.852.941	
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	300.000.000	282.058.824	
Ông Kenichi Suzuki	Thành viên BKS đến ngày 10 tháng 4 năm 2023	83.333.333	282.058.824	
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên BKS từ ngày 10 tháng 4 năm 2023	216.666.667	-	
Ông Nguyễn Xuân Đông	Chủ tịch HĐQT	-	80.882.353	
Ông Nguyễn Hữu Tới	Thành viên HĐQT	-	56.617.647	
TỔNG CỘNG		6.689.955.000	8.071.614.479	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	107.054.976.780	224.590.181.957
Điều chỉnh giảm do trích thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc (*)	<u>(3.240.000.000)</u>	<u>(3.060.000.000)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>103.814.976.780</u>	<u>221.530.181.957</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>103.814.976.780</u>	<u>221.530.181.957</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>49.993.960</u>	<u>49.993.960</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>49.993.960</u>	<u>49.993.960</u>
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	2.077	4.431
- Lãi suy giảm	2.077	4.431

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được điều chỉnh giảm khoản trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 căn cứ theo Phương án chi trả năm 2023 số 80/2023/BC-HĐQT được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 06/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023.

24. CÁC CHI PHÍ DỊCH VỤ CHUYÊN NGHIỆP

Các chi phí dịch vụ chuyên nghiệp với các thành viên trong mạng lưới các công ty EY toàn cầu ("các Công ty EY") phát sinh trong năm nay và năm trước bao gồm:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Phí kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty	250.000.000	250.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Lâm Thị Hà
Người lập

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Vương Cường
Tổng Giám Đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2024

